

Số: 41/TB-PHĐHLN-TCKT

Đồng Nai, ngày 31 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc chi trả bổ sung tiền học bổng KKHT cho HSSV hệ Đại học chính quy học kỳ I năm học 2022-2023, chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập đợt 1 năm 2023 và chi Trợ cấp xã hội cho sinh viên học kỳ II năm học 2022-2023

Căn cứ Quyết định số 265/QĐ-PHĐHLN-SV ngày 17 tháng 03 năm 2023 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai về việc chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên là người dân tộc thiểu số đợt 1 năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 262/QĐ-PHĐHLN-SV ngày 18 tháng 03 năm 2023 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai về việc Chi Trợ cấp xã hội cho sinh viên học kỳ II năm học 2022 - 2023;

Căn cứ Quyết định số 348/QĐ-PHĐHLN-SV ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai về việc Chi cấp học bổng KKHT học kỳ 1 năm học 2022-2023 cho sinh viên bậc Đại học hệ chính quy.

Phòng Tài chính kế toán thông báo tới các sinh viên được hưởng Học bổng KKHT, Chi phí học tập và trợ cấp xã hội theo các quyết định trên, đến Phòng tài chính kế toán cung cấp thông tin số tài khoản để nhận chế độ chính sách theo quy định

(Yêu cầu: Sinh viên cung cấp tài khoản chính chủ và đã kích hoạt giao dịch được) - Gặp cô Mi, SĐT: 033 244 4778.

Hình thức chi: Chuyển khoản.

Lưu ý: Những sinh viên đã số tài khoản ngân hàng được lưu trên Phòng tài chính kế toán, đề nghị các em kiểm tra lại thông tin và số tài khoản của mình, nếu bị sai sót hoặc cần điều chỉnh lại số tài khoản thì lên Phòng tài chính kế toán cung cấp lại thông tin. Trường hợp sinh viên cung cấp sai thông tin tài khoản, phí chuyển khoản (lần 2) sẽ được trừ vào chế độ chi trả của sinh viên.

(Danh sách sinh viên kèm theo)

Đề nghị các Khoa chuyên môn, GVCN/Cố vấn học tập các lớp thông báo đến sinh viên của lớp mình để thực hiện.

Rất mong được sự phối hợp của các đơn vị.

Nơi nhận:

- Khoa chuyên môn;
- Website PH;
- Lưu: VT, TCKT.

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



Đỗ Thị Thắm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Thông báo số: 41 /TB-PHDHLN-TCKT ngày 05 tháng 4 năm 2023
của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Tên Lớp	Lương tối thiểu 1.490.000		Thành tiền	Số tài khoản	Ghi chú	Số điện thoại
					Số tháng	Mức hỗ trợ/tháng				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(7)	(8)	(9) = (7*8)			
A Khoa CN&KT										
1	207580108007	Ba Râu Rầy	01/01/1999	K65_TKNT	5	894.000	4.470.000	4909205021249	Agribank huyện Bác Ái, Ninh Thuận	
2	207580108004	Đa rúi Hà Khương	05/10/2002	K65_TKNT	5	894.000	4.470.000	4909205021226	Agribank huyện Bác Ái, Ninh Thuận	
B Khoa Kinh tế										
3	197340101011	Nguyễn Thị Hình	01/01/2000	K64_Kế Toán	5	894.000	4.470.000	100872365806	Viettinbank Trảng Bom	
4	217340301021	Thị Đớt	11/10/2003	K66_Kế toán	5	894.000	4.470.000			
5	227340301021	H' Len	08/11/2004	K67_Kế toán	5	894.000	4.470.000	5306205143931	Agribank Đắk Glong	0334727267
C Khoa Lâm học										
6	197620205001	K' Luyến	24/05/2001	K64_Lâm Sinh	5	894.000	4.470.000	5905205434995	Agribank Trảng Bom	
7	197850103023	H' Trim	05/09/2000	K64_Lâm Sinh	5	894.000	4.470.000	63510000794823	BIDV Đắk Nông	
D Khoa Nông học										
8	227640101034	Hồ Thị Bích Loan	24/03/2003	K67A_THUY	5	894.000	4.470.000			
E Khoa TN&MT										
9	197620211014	H' Phiếu	17/05/2001	K64_QLTNR	5	894.000	4.470.000	1603205618118	Agribank Lý Thường Kiệt, TP.HCM	
10	207620211029	Điêu Huy	01/12/2002	K65_QLTNR	5	894.000	4.470.000	5300205805380	Agribank huyện Tuy Đức, Đắk Nông	
11	207850104001	H' Glăng	01/05/2002	K65QLTN&MT	5	894.000	4.470.000	5306205116220	Agribank Đắk Glong, Đắk Nông	
12	207620211021	K' Vương	16/03/2001	K65_QLTNR	5	894.000	4.470.000	5408205283265	Agribank huyện Di Linh, Lâm Đồng	
13	207620211012	Ka Rím	16/04/2002	K65_QLTNR	5	894.000	4.470.000	5905205529479	Agribank huyện Trảng Bom	
14	207620211006	Điêu Hú	14/04/2001	K65_QLTNR	5	894.000	4.470.000	108870876053	Viettinbank TP.HCM	
15	207620211011	K' Ninh	26/07/2002	K65_QLTNR	5	894.000	4.470.000	5408205279268	Agribank chi nhánh Di Linh	
16	207620205004	K' Krêm	13/11/2002	K65_QLTNR	5	894.000	4.470.000	1017890480	VCB Trảng Bom	
17	217620211002	K' Văn Bảy	03/01/2002	K66_QLTNR	5	894.000	4.470.000	4803205087691	Agribank Đắk Glong, Đắk Nông	
18	227620211006	Điêu Hoang	06/10/2004	K67_QLTNR	5	894.000	4.470.000			
19	227620211025	Sùng A Vàng	01/02/2004	K67_QLTNR	5	894.000	4.470.000	5200205962804	Agribank Đắk Lắk	0368530851
Cộng							84.930.000			

(Số tiền bằng chữ: Tám mươi bốn triệu chín trăm ba mươi ngàn đồng).

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI

(Kèm theo Thông báo số: 41/TB-PHĐHLN-TCKT ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên Lớp		Số tháng	Mức TCXH/tháng		Số tài khoản	Ghi chú	Số ĐT
							140.000đ	100.000đ			
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
I	Khoa CN&KT										
1	207549001003	Hoàng Thị Ngọc	Diễm	K65_CBLS	DTTSITNGUOI_Tây	6	840.000				
2	207580108004	Đa rúi Hà	Khương	K65_TKNT	DTTSITNGUOI_Churu	6	840.000		4909205021226	Agribank Bắc Ái, Ninhthuận	
3	207580108007	Ba Râu	Rầy	K65_TKNT	DTTSITNGUOI_Rglay	6	840.000		4909205021249	Agribank Bắc Ái, Ninhthuận	
4	227549001002	Hoàng Trung	Tiến	K67_TKNT	DTTSITNGUOI_Tây	6	840.000				
II	Khoa Kinh tế										
5	197340101011	Nguyễn Thị	Hình	K64_Kế Toán	CONDIENKV0_Gia rai	6	840.000		100872365806	Viettinbank Trảng Bom	
6	197340101012	Triệu Thị	Hoa	K64_Kế Toán	DTTSITNGUOI_Dao	6	840.000				
7	217340301021	Thị	Đốt	K66_Kế Toán	DTTSHONGHEO_Stieng	6		600.000			
8	227340301021	H'	Len	K67_Kế Toán	DTTSITNGUOI_Mạ	6	840.000		5306205143931	Agribank Đắk Glong	0334727267
III	Khoa Lâm học										
9	197620205001	K	Luyện	K64_Lâm Sinh	DTTSVCHONGHEO_Mạ	6	840.000		5905205434995	Agribank Trảng Bom	
10	197620205005	Cao Xuân	Tính	K64_Lâm Sinh	CONDIENKV0_Raglay	6	840.000				
11	197850103023	H	Trim	K64_Lâm Sinh	DTTSVCHONGHEO_Mạ	6	840.000		63510000794823	BIDV Đắk Nông	
12	207850103013	K'	Lĩnh	K65_QLDD	CONDIENKV0_Cil	6	840.000				
IV	Khoa Nông học										
13	197620110006	Kon Sơ Ha	Joet	K64_KHCT	CONDIENKV0_Cil	6	840.000				
14	197620105003	H Lin	Kdoh	K64B_Thú Y	CONDIENKV0_Êđê	6	840.000				
15	207640101018	Nguyễn Thị Mai	Hương	K65B_THUY	CONMOCOI	6		600.000			

BỘ NỘI VỤ

16	207620105002	Nịnh Thị	Phúc	K65A_Thú y	DTTSITNGUOI	6	840.000		008431758	VIB Trảng Bom	0376035126
17	207620110002	Kon Sơ K'	Ri Am	K65_KHCT	DTTSITNGUOI	6	840.000				
18	217640101012	Vi Thị	Giang	K66B_Thú y	DTTSITNGUOI	6	840.000				
19	227420201001	Huỳnh Ngọc Hương	Hoa	K67_BVTV	TANTAT	6		600.000			
20	227620112006	Vũ Anh	Tú	K67_BVTV	DTTSVCHONGHEO_Tây	6	840.000				
21	227640101034	Hồ Thị Bích	Loan	K67A_THUY	DTTSVCHONGHEO_GiêTriêng	6	840.000				
22	227640101063	K' Văn	Vũ	K67B_THUY	DTTSITNGUOI	6	840.000				
V	Khoa TN&MT										
23	197620211006	Rơ Châm	Hải	K64_QLTNR	CONDIENKV0_Gia rai	6	840.000				
24	197620211010	Kon Sơ Ha	Huynh	K64_QLTNR	CONDIENKV0_Cil	6	840.000				
25	197640101041	K Văn	Long	K64_QLTNR	DTTSITNGUOI_Cơ ho	6	840.000				
26	197620211014	H	Phiếu	K64_QLTNR	DTTSVCHONGHEO_Châu mạ	6	840.000		1603205618118	Agribank Lý Thường Kiệt, TP.HCM	
27	197620211005	Điều	Đà	K64_QLTNR	DTTSITNGUOI_Stiên	6	840.000				
28	197620211013	Điều	Phi	K64_QLTNR	DTTSITNGUOI_Stiên	6	840.000				
29	197620211008	Điều	Huy	K64_QLTNR	DTTSITNGUOI_Cil	6	840.000				
30	197620211015	Nguyễn Hồng	Phúc	K64_QLTNR	CONHONGHEO	6		600.000			
31	217850101011	Lương Thị	Mùi	K66_QLTN&MT	DTTSITNGUOI	6	840.000				
32	207850104001	H'	Glăng	K65_QLTN&MT	DTTSVCHONGHEO_Mạ	6	840.000		5306205116220	Agribank Đắk Glong, Đắk Nông	
33	207620211029	Điều	Huy	K65_QLTNR	DTTSVCHONGHEO_Mnông	6	840.000		5300205805380	Agribank Tuy Đức, Đắk Nông	
34	207620211023	Điều	Điệp	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI_Stiên	6	840.000				
35	207620211009	Điều Văn	Kiệt	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI_Stiên	6	840.000				
36	207620211016	Điều	Tam	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI_Mạ	6	840.000				
37	207620211021	K'	Vương	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI_Mạ	6	840.000		5408205283265	Agribank huyện Di Linh, Lâm Đồng	
38	207620211020	K'	Váng	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI_Mạ	6	840.000				
39	207620211011	K'	Ninh	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI_Nộp	6	840.000		5408205279268	Agribank chi nhánh Di Linh	

11/6/2024

40	207620211028	K' Si	Si	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI_Ma	6	840.000				
41	207620211012	Ka	Rim	K65_QLTNR	CONDIENKV0_Ma	6	840.000		5905205529479	Agribank huyện Trảng Bom	
42	207620205004	K'	Krêm	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI_Ma	6	840.000		1017890480	VCB Trảng Bom	
43	207620211006	Điều	Hũu	K65_QLTNR	CONDIENKV0_Stiêng	6	840.000		108870876053	Viettinbank TP.HCM	
44	207620205002	K'	Nes	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI_Ma	6	840.000				
45	207620205003	K'	Chúc	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000				
46	207620211024	K'	Đào	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000				
47	207620211014	K'	Sim	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000				
48	207620211025	Tain	Tuyền	K65_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000				
49	217620211002	K' Văn	Bây	K66_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		4803205087691	Agribank Đắk Glong, Đắk Nông	
50	217620211007	Điều	Nho	K66_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000				
51	217620211017	K' Văn	Vĩ	K66_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000				
52	217620211019	Dong Gur Ha	Khuy	K66_QLTNR	DTTSHOCANGHEO_Cil	6	840.000				
53	227620211006	Điều	Hoang	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000				
54	227620211016	Điều	Nhàn	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000				
55	227620211028	Điều	Tâm	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000				
56	227620211005	Điều Đình	Hải	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000				
57	227620211011	Điều	Lịch	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000				
58	227620211012	Điều	Linh	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000				
59	227620211013	Điều	Lức	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000				
60	227620211025	Sùng A	Vàng	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		5200205962804	Agribank Đắk Lắk	0368530851
61	227620211007	Điều	Huấn	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000				
62	227620211003	Rơ Ông Ha	Đức	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000		104877089259	Viettinbank Trảng Bom	0982902240
63	227620211021	Điều	Tiến	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000				
64	227620211020	Điều	Thương	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000				
65	227620211024	K' Hoàng	Vy	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI	6	840.000				

66	227620211002	K' Văn	Đảng	K67_QLTNR	DTTSITNGUOI_Coho	6	840.000				
	Cộng						52.080.000	2.400.000			
	Tổng cộng = cột (7+8)						54.480.000				

(Số tiền bằng chữ: Năm mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng).





DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG TRONG HK1_NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Thông báo số: 41/TB-PHĐHLN-TCKT ngày 25 tháng 4 năm 2023
của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

STT	TT	Mã số	Họ và Tên	Lớp	Số tiền	Số tài khoản	Ngân hàng	Số ĐT
A					104.100.000			
	I				35.400.000			
1	1	197340301028	Vũ Thúy Vinh	K64_KT	5.900.000	104870771113	Viettinbank Trảng Bom	0355604020
2	2	197340101022	Huỳnh Thành Nam	K64_QTKD	5.900.000	7102205478084	Agribank Ba Tri, Bến Tre	
3	3	197340101004	Đào Thị Kim Diễm	K64_QTKD	5.900.000	100871685815	Viettinbank Trảng Bom	0933130206
4	4	217340301013	Nguyễn Thị Thanh Thúy	K66_KT	5.900.000	1026623814	Vietcombank Trảng Bom	0933389803
5	5	217340301010	Trần Thị Tuyết Nhung	K66_KT	5.900.000	0335638468	MBbank Xuân Lộc	0335638468
6	6	227340101011	Phan Thị Hương	K67_QTKD	5.900.000			
	II				23.600.000			
7	1	197580110003	Trần Hoàng Luân	K64_KTCQ	5.900.000			
8	2	197850103001	Phạm Hương Quế Anh	K64_QLDD	5.900.000			
9	3	207850103011	Kiều Quang Huy	K65_QLDD	5.900.000			
10	4	217850103024	Lê Hoàng Nhã Trân	K66_QLDD	5.900.000	1021403813	Vietcombank Long Khánh	0822708931
	III				32.350.000			
11	1	197850101003	Mâu Thị Chính	K64_KHCT	5.900.000	5491205420767	Agribank Lộc Phát, Lâm Đồng	0373324723
12	2	197640101048	Võ Trần Yến Nhi	K64B_TY	5.900.000	109871743363	Vietinbank Trảng Bom	
13	3	207620112009	Nguyễn Văn Thành	K65_BVTV	6.850.000	5907205291594	Agribank định quán	0384954912
14	4	207620105002	Nịnh Thị Phúc	K65A_TY	6.850.000	008431758	VIB Trảng Bom	0376035126
15	5	217640101014	Nguyễn Anh Hào	K66B_TY	6.850.000	1020689065	Vietcombank Diên Khánh, Khánh Hòa	0399554010
	IV				12.750.000			



(Handwritten signature)

STT	TT	Mã số	Họ và Tên	Lớp	Số tiền	Số tài khoản	Ngân hàng	Số ĐT
16	1	197620211001	Lê Trương Trọng Bình	K64_QLTNR	5.900.000	7506205182360	Agribank Cà Mau	
17	2	207620211003	Ông Văn Cường	K65_QLTNR	6.850.000	19034162914017	Techcombank Nguyễn Oanh Gò Vấp	0941231331
B		Loại Giới			256.600.000			
	I	Khoa CN&KT			31.750.000			
18	1	207549001003	Hoàng Thị Ngọc Diễm	K65_CBLS	6.350.000			
19	2	207580108007	Ba Râu Rẫy	K65_TKNT	6.350.000	4909205021249	Agribank Bắc Ái, Ninhthuận	
20	3	217580108006	Lương Lâm Nhi	K66_TKNT	6.350.000			
21	4	217580108015	Vũ Thị Bích Phượng	K66_TKNT	6.350.000			
22	5	227580108007	Trần Thụy Vy	K67_TKNT	6.350.000			
	II	Khoa Kinh tế			54.000.000			
23	1	207340101011	Ngô Trung Kiên	K65_QTKD	5.400.000			
24	2	207340101014	Nguyễn Thị Hoài My	K65_QTKD	5.400.000	5915205170149	Agribank Thống Nhất	0869156153
25	3	217340101060	Phạm Vũ Nhật Thảo	K66_QTKD	5.400.000			
26	4	217340101028	Nguyễn Văn Anh	K66_QTKD	5.400.000	23501837	ACB chi nhánh Trảng Bom	
27	5	217340101001	Huỳnh Thị Kim Ly	K66_QTKD	5.400.000			
28	6	217340101020	Nguyễn Duy Nhật	K66_QTKD	5.400.000			
29	7	217340301024	Nguyễn Hương Ngọc Trúc	K67_KT	5.400.000			
30	8	227340301017	Phan Thị Bích Huệ	K67_KT	5.400.000			
31	9	227340301034	Trần Thị Thùy Trang	K67_KT	5.400.000			
32	10	227340101015	Bùi Xuân Mai	K67_QTKD	5.400.000			
	III	Khoa Lâm học			37.800.000			
33	1	207850103014	Trần Lê Thắng Lợi	K65_QLDD	5.400.000			
34	2	217850103003	Lê Chí Chung	K66_QLDD	5.400.000	45791472583690	MBbank Trảng Bom	0568379324
35	3	217850103020	Trần Trung Thống	K66_QLDD	5.400.000			
36	4	227850103037	Hoàng Phan Mỹ Triều	K67_QLDD	5.400.000			

HÀ
JN
M
TẠI
DÓN

STT	TT	Mã số	Họ và Tên	Lớp	Số tiền	Số tài khoản	Ngân hàng	Số ĐT
37	5	227850103032	Nguyễn Thị Thùy Tiên	K67_QLDD	5.400.000			
38	6	227850103027	Nguyễn Tá Quang	K67_QLDD	5.400.000			
39	7	227850103049	Tạ Minh Mạnh	K67_QLDD	5.400.000			
	IV	Khoa Nông học			111.450.000			
40	1	197640101019	Nguyễn Bá Giác	K64A_TY	5.400.000	4304205235640	Agribank Tây Sơn Bình Định	0985023655
41	2	197640101063	Dương Thị Hoàn Trâm	K64A_TY	5.400.000			
42	3	197640101011	Nguyễn Hoàng Dũng	K64B_TY	5.400.000	0481000915278	VCB Biên Hòa	0345470109
43	4	207640101064	Nguyễn Quốc Việt	K65A_TY	6.350.000			
44	5	207640101075	Nguyễn Thị Trinh	K65B_TY	6.350.000			
45	6	207640101074	Huỳnh Thị Hương Huyền	K65B_TY	6.350.000	107876743576	Viettinbank Trảng Bom	
46	7	217620110007	Phạm Thanh Hải	K66_KHCT	6.350.000			
47	8	217640101089	Võ Ngọc Thúy Vi	K66A_TY	6.350.000	1030481721	Vietcombank Trảng Bom	0907067659
48	9	217640101028	Nguyễn Hữu Lợi	K66A_TY	6.350.000	5915205190782	Agribank Thống Nhất	0839277953
49	10	217640101031	Nguyễn Thị Bích Ngọc	K66B_TY	6.350.000	1013229399	Viettinbank Diên Khánh - Khánh Hòa	0334530705
50	11	217640101083	Hồ Thụy Kim Ngân	K66B_TY	6.350.000	900343488514	VPbank Lagi	0343488514
51	12	217640101097	Bùi Thị Cẩm Huê	K66B_TY	6.350.000	5505205246629	Agribank Phú Giáo Bình Dương	0984033864
52	13	227620112001	Đào Công Danh	K67_BVTV	6.350.000			
53	14	227640101009	Trần Phạm Quang Đạt	K67A_TY	6.350.000			
54	15	227640101012	Huỳnh Dương Như Đoan	K67A_TY	6.350.000			
55	16	227640101068	Trần Gia Huy	K67B_TY	6.350.000			
56	17	227640101021	Nguyễn Đức Hòa	K67B_TY	6.350.000			
57	18	227640101081	Huỳnh Ngọc Mai	K67B_TY	6.350.000	0789128426	MBbank Nam Sài Gòn	0789128426
	V	Khoa TN&MT			21.600.000			
58	1	197850101007	Nguyễn Thị Phương	K64_QLTN&MT	5.400.000			
59	2	207850101004	Trần Công Việt	K65_QLTN&MT	5.400.000	5493205409899	Agribank Lâm Đồng	0868621448

11/11/2024

(Handwritten mark)

STT	TT	Mã số	Họ và Tên	Lớp	Số tiền	Số tài khoản	Ngân hàng	Số ĐT
60	3	217850101005	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	K66_QLTN&MT	5.400.000	1016534912	Vietcombank trắng bom	0869104917
61	4	227850101013	Đặng Anh Hào	K67_QLTN&MT	5.400.000			
C		Loại Khác			81.100.000			
	I	Khoa Kinh tế			14.700.000			
62	1	207340301047	Vũ Thị Hải Yến	K65_KT	4.900.000	1016941190	Vietcombank Hiệp Phước	
63	2	207340301027	Nguyễn Thanh Thúy	K65_KT	4.900.000	1020690159	Vietcombank Long Thành	
64	3	217340101004	Nguyễn Ánh Hồng	K66_QTKD	4.900.000			
	II	Khoa Lâm học			14.700.000			
65	1	217850103034	Phan Văn Thành Hiếu	K66_QLDD	4.900.000	1016588281	Vietcombank Quảng Ngãi	0979548910
66	2	217850103009	Nguyễn Ngọc Khải	K66_QLDD	4.900.000	58110001464145	BIDV Phú Tài	0362319701
67	3	217850103025	Võ Thành Trường	K66_QLDD	4.900.000	5905281004496	Agribank Trảng Bom	0395684113
	III	Khoa Nông học			29.250.000			
68	1	207640101047	Phan Thùy Anh Thư	K65B_TY	5.850.000			
69	2	217620112003	Nguyễn Trần Đăng Khoa	K66_BVTV	5.850.000	0871004236792	Vietcombank Long khánh	0979170337
70	3	217640101024	Nguyễn Thị Hoàng Lan	K66A_TY	5.850.000	5307205498659	Agribank Gia nghĩa - Đăk Nông	0914329690
71	4	217640101046	Lê Thị Minh Thy	K66A_TY	5.850.000	777718102003	MBbank Trảng Bom	0931936323
72	5	217640101093	Nguyễn Nhật Hào	K66A_TY	5.850.000	4400105032003	MBbank chi nhánh Long Khánh	0933098025
	IV	Khoa TN&MT			22.450.000			
73	1	217620211011	K' Rêuh	K66_QLTNR	5.850.000			
74	2	217620211008	Nguyễn Thanh Phong	K66_QLTNR	5.850.000			
75	3	217850101015	Phạm Tiến Đạt	K66_QLTN&MT	4.900.000			
76	4	227620211004	Hà Công Hà	K67_QLTNR	5.850.000	0851005074069	Abbank Bình Dương	0981452500
		Tổng			441.800.000			

(Số tiền bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi một triệu tám trăm ngàn đồng)

KINH DOANH